

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LONG BIÊN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07/2022/DSST**

Ngày: **25/01/2022**

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Tự Hiếu

**Hội thẩm nhân dân:** Ông Bùi Văn Bình và ông Nguyễn Đình Hùng

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Thạch Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hương- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST- DSST ngày 09/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXX- ST ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ- HPT ngày 06/01/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Ông Phú Anh T, sinh năm 1976**

Địa chỉ: Xóm X thôn K, xã A, huyện A, TP. Hải Phòng

(Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**\* Bị đơn: Công ty cổ phần V**

Trụ sở: Số X đường Ng, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn T1 – Giám đốc Công ty

(Ông T1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phú Anh T trình bày:***

Ngày 01/05/2016, tôi và Công ty cổ phần V có ký kết Hợp đồng kinh tế số 015.2016/HĐKT/VCM-PAT về việc cho thuê máy phục vụ thi công công trình cao tốc Bến Lức- Long Thành với nội dung tôi cho Công ty cổ phần V thuê 01 máy đào hiệu Komatsu PC200. Ngày 01/10/2016, tôi và Công ty cổ phần V tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số PL01-015.2016/HĐKT/VCM-PAT với nội dung sửa đổi giá trị công việc thực hiện được nghiệm thu hoàn thành.

Sau khi ký kết Hợp đồng, tôi đã cho Công ty cổ phần V thuê 01 máy đào hiệu Komatsu PC200 để thực hiện dự án tại Bến Lức- Long Thành và đã bàn giao chiếc xe trên bắt đầu từ ngày 01/05/2016 đến ngày 28/02/2017.

Trong thời gian thuê, Công ty cổ phần V hàng tháng đã thanh toán số tiền thuê máy phụ thuộc vào lượng công việc. Tính đến ngày 17/01/2017, Công ty cổ phần V đã tạm ứng cho tôi số tiền 85.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2017, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng với nội dung: Công ty cổ phần V còn nợ tôi số tiền 262.351.270 đồng.

Sau đó tôi đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần V trả số tiền còn nợ nhưng đại diện công ty không hợp tác và không có thiện chí trả nợ.

Nay tôi yêu cầu Công ty cổ phần V phải thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc 262.351.270 đồng và số tiền lãi kể từ ngày 28/02/2017 cho đến nay theo mức lãi suất Ngân hàng.

***\* Bị đơn là Công ty cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai.***

**Tại phiên tòa:**

- Ông Phú Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- Công ty cổ phần V vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 468, 472, 481 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2009/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán trả cho ông Phú Anh T số tiền nợ gốc là 262.351.270 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Công ty cổ phần V tiếp tục phải trả số tiền lãi trên số tiền còn phải thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Về án phí: Công ty cổ phần V phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ông Phú Anh T có đơn khởi kiện Công ty cổ phần V về việc thanh toán tiền thuê tài sản còn nợ. Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty cổ phần V có trụ sở tại Số X đường N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2021, Công an phường Đức Giang được cung cấp: Công ty cổ phần V có địa chỉ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Số X đường N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội, tuy nhiên không còn hoạt động tại địa chỉ trên và đã tháo biển hiệu Công ty.

Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa bằng phương thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là Công ty cổ phần V vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời nguyên đơn là ông Phú Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Thành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phú Anh T nhận thấy: Ngày 01/05/2016, ông Phú Anh T và Công ty cổ phần V ký kết Hợp đồng kinh tế số 015.2016/HĐKT/VCM-PAT với nội dung ông T cho Công ty cổ phần V thuê 01 máy đào hiệu Komatsu PC200 để phục vụ thi công công trình cao tốc Bến Lức- Long Thành. Ngày 01/10/2016, ông T và Công ty cổ phần V tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số PL01-015.2016/HĐKT/VCM-PAT với nội dung sửa đổi giá trị công việc thực hiện được nghiệm thu hoàn thành, đơn giá 5.000 đồng/m<sup>3</sup>, đơn giá thực hiện là 197.800 đồng/giờ, thời gian thuê từ ngày 01/05/2016 đến khi kết thúc công việc trên công trường tại dự án đường cao tốc Bến Lức- Long Thành. Xét việc ký kết Hợp đồng giữa hai bên đúng chủ thể, nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015 do đó Hợp đồng có giá trị pháp lý đối với các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty cổ phần V đã tạm ứng cho ông T số tiền 85.000.000 đồng. Ngày 28/02/2017, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng với nội dung: Công ty cổ phần V còn nợ ông T số tiền 262.351.270 đồng. Sau đó Công ty cổ phần V không trả, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng kinh tế số 015.2016/HĐKT/VCM-PAT ngày 01/05/2016. Do đó Công ty cổ phần V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 262.351.270 đồng cho ông Phú Anh T.

Xét yêu cầu tính lãi của ông Phú Anh T đối với số tiền Công ty cổ phần V còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ dân sự không thỏa thuận tính lãi suất. Đến hạn trả nợ nhưng Công ty cổ phần V không trả do đó Công ty cổ phần V phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền gốc chưa trả từ thời điểm chậm trả đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đối với hợp đồng dân sự không thỏa thuận lãi chậm trả thì bên nợ phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng).

Tại Điều 4.2 của Hợp đồng kinh tế số 015.2016/HĐKT/VCM-PAT ngày 01/05/2016 quy định: “Trong vòng 05 ngày kể từ ngày bên A, B xong các thủ tục đối chiếu hàng tháng, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị cho bên B (sau khi khấu trừ tiền bên B đã tạm ứng)”. Như vậy, Công ty cổ phần V phải trả cho ông T số tiền lãi của số tiền 262.351.270 đồng kể từ ngày 05/03/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/01/2022 là 04 năm 10 tháng 20 ngày, cụ thể như sau:

$262.351.270 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 04 \text{ năm} 10 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 128.167.340 \text{ đồng}$

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần V phải trả cho ông T là  $262.351.270 \text{ đồng} + 128.167.340 \text{ đồng} = 390.518.610 \text{ đồng}$ .

Công ty cổ phần V tiếp tục phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/01/2022 đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ông T.

- Về án phí: Công ty cổ phần V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

### QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 468, 472, 473, 474, 481 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2009/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

#### Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Phú Anh T đối với Công ty cổ phần V

Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán trả cho ông Phú Anh T các khoản gồm: Nợ gốc là **262.351.270 đồng** và lãi suất là **128.167.340 đồng**. Tổng cộng là **390.518.610 đồng**. (Ba trăm chín mươi triệu năm trăm mười tám nghìn sáu trăm mười đồng).

Công ty cổ phần V tiếp tục phải trả số tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày 26/01/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án Dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Án phí: Công ty cổ phần V phải chịu **19.525.930 đồng** (Mười chín triệu năm trăm hai mươi năm nghìn chín trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Phú Anh T số tiền **8.400.000 đồng** (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017059 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS quận Long Biên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Tự Hiếu**